TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST
Ngày 09-8-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Như Quang

2. Bà Nguyễn Thị Mý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09-8-2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2019/TLST-DS ngày 11-4-2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-DS ngày 26-6-2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần V; Địa chỉ: Số A, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Giấy ủy quyền số 2505/2019/UQ-VPB ngày 20-02-2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh Gia Lai): Ông Hoàng Đức C; Địa chỉ: Số B, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu H; Địa chỉ: Làng K, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thông qua Chi nhánh Gia Lai (Ngân hàng) có cho ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu H vay tiền theo Hợp đồng vay vốn số LN1711100311204/GLI/HĐTD ngày 24-11-2017, số tiền vay là 510.000.000 đồng, mục đích vay là mua xe ô tô nhãn hiệu Mazda BT-50 2.2 MT, 05 chỗ, sản xuất năm 2017 – mua xe để tiêu dùng và đi lại, thời hạn vay là 83 tháng kể từ ngày 25-11-2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn

Văn Q và bà Lê Thị Thu H có trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 43.015.000 đồng và tiền nợ lãi đến ngày 20-6-2018 là 9.727.511 đồng. Do ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 20-6-2018 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trên, có Hợp đồng thế chấp tài sản số LN1711100311204 ngày 24-11-2017 được ký giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu H. Tài sản thế chấp là: 01 chiếc xe tải Pick up cabin kép, nhãn hiệu Mazda, số khung 4DD7JWW731023, số máy P4AT2449468, mang biển số 81C-139.26, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu H theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023821 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 22-11-2017.

Do ông Q và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã được giao kết nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu H phải trả số tiền nợ là 567.515.959 đồng, trong đó nợ gốc là 466.985.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 09-8-2019 trong hạn là 63.778.136 đồng, nợ lãi quá hạn là 36.752.823 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ theo hợp đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu H không trả được số nợ trên thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

2. Bị đơn Lê Thị Thu H trình bày: Bà Lê Thị Thu H thừa nhận bà và ông Nguyễn Văn Q có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền là 510.000.000 đồng và thế chấp tài sản theo hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp tài sản như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là đúng sự thật. Do điều kiện, hoàn cảnh khó khăn nên bà và ông Q không thực hiện được việc trả nợ theo đúng hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà và ông Q phải trả số tiền nợ gốc là 466.985.000 đồng và tiền lãi phát sinh, bà hoàn toàn đồng ý.

3. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Toà án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho ông Nguyễn Văn Q nhưng ông Q cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án, vì vậy không có lời khai và yêu cầu của ông Q trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 hợp đồng cho vay số LN1711100311204/GLI/HĐTD đề ngày 24-11-2017 (bản sao); 01 hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1711100311204/GLI/HĐTC đề ngày 24-11-2017 (bản sao); 01 đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo về việc kê biên ngày 24-11-2017 (bản sao); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao); 02 văn bản ủy quyền (bản gốc); 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (bản sao); 01 Điều lệ (bản phô tô); 02 bản tự khai của Ngân hàng; 01 bản sao sổ phụ kiêm phiếu báo nợ, báo có; 01 bản sao khế ước nhận nợ; 01 Bảng kê tính lãi ngày 09-8-2019; 01 bản tự khai của bà H.

5. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn Nguyễn Văn Q và Lê Thị Thu H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh, nên được xác định là hợp đồng dân sự về vay tài sản và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thụ lý và xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", nay Hội đồng xét xử xác định lại cho đúng bản chất vụ việc là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn Nguyễn Văn Q và Lê Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về số tiền vay, tiền lãi và nghĩa vụ thanh toán: Hợp đồng vay vốn số LN1711100311204/GLI/HĐTD ngày 24-11-2017 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ Luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu H có trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 43.015.000 đồng và tiền nợ lãi đến ngày 20-6-2018 là 9.727.511 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 567.515.959 đồng, trong đó nợ gốc là 466.985.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 09-8-2019 trong hạn là 63.778.136 đồng, nợ lãi quá hạn là 36.752.823 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ theo hợp đồng.

[3] Về xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu H không trả được số nợ trên thì Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của các hợp đồng cho vay nêu trên,

giữa Ngân hàng với ông Q và bà H có giao kết Hợp đồng thế chấp tài sản số LN1711100311204 ngày 24-11-2017 được ký giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu H. Tài sản thế chấp là: 01 chiếc xe tải Pick up cabin kép, nhãn hiệu Mazda, số khung 4DD7JWW731023, số máy P4AT2449468, mang biển số 81C-139.26, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu H theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023821 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 22-11-2017. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền nợ tính đến ngày 09-8-2019 là 567.715.959 đồng (Năm trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm mười lăm nghìn chín trăm năm mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 466.985.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng), nợ lãi tạm tính đến ngày 09-8-2019 trong hạn là 63.778.136 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn một trăm ba mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là 36.752.823 (Ba mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn tám trăm hai mươi ba đồng).

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu H không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm: 01 chiếc xe tải Pick up cabin kép, nhãn hiệu Mazda, số khung 4DD7JWW731023, số máy P4AT2449468, mang biển số 81C-139.26, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu Htheo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023821 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 22-11-2017 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số

LN1711100311204 ngày 24-11-2017 được ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V với ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu H.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.708.638 đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm không tám nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 12.842.885 đồng (Mười hai triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0005591 ngày 10-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính